

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 7 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tư**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Lành**

2. Bà **Đặng Thị Hoàng Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Ni** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Trần Thị Trúc Lâm**

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2020 về
việc: *tranh chấp xin ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:
18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kiều N**, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp X, xã Y,
huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông **A**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 4, đồn Kháo Sơn, thôn Khánh
Dương, thị trấn Khánh Dương, thị xã Y, thành phố X, tỉnh Z, Trung Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 14/10/2020, nguyên đơn Lê Thị Kiều N trình bày
như sau:*

Thông qua mai mối, bà N và ông A tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và
được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày
02/2/2015. Sau khi kết hôn bà N sang Trung Quốc sống cùng ông A. Trong thời gian
sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, phong
tục tập quán, từ đó vợ chồng ít quan tâm nhau. Đến cuối năm 2019 bà N về Việt Nam
và vợ chồng không còn liên lạc với nhau cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng sống xa

cách, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông A .

Về con chung: Có 01 con chung tên B , sinh ngày 04/12/2015 hiện do ông A nuôi dưỡng, bà N đồng ý giao con chung cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long trình bày:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn: Vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kiều N. Cho N được quyền ly hôn với ông A . Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết. Bà N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Kiều N và ông A là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Ngày 28/12/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 173/TTTPDS-TA61 gửi Bộ Tư pháp về việc tương trợ tư pháp để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông A .

Ngày 07/6/2021 Bộ Tư pháp có công văn số 1572/BTP-PLQT trả lời về việc kết quả ủy thác tư pháp với nội dung: Không thực hiện được hồ sơ ủy thác tư pháp do địa chỉ không chính xác.

Ngày 16/6/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ yêu cầu bà N cung cấp địa chỉ khác của ông A do không thực hiện được việc tổng đạt cho ông A theo địa chỉ trước đây nguyên đơn đã cung cấp. Tuy nhiên,

bà N có bằng chứng trình về việc không cung cấp được địa chỉ khác của ông A và yêu cầu Tòa án đăng tin thông báo đối với ông A trên Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5).

Ngày 17/6/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long có công văn số 94/TATND-CV gửi Ban đối ngoại - Đài tiếng nói Việt Nam đề nghị đăng tin thông báo cho bị đơn A 03 lần trong 03 ngày liên tiếp nội dung thông báo cho ông A đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long dự phiên tòa xét xử vụ án sẽ được mở vào ngày 05/7/2021, nếu ông A vắng mặt Tòa án sẽ mở lại phiên tòa vào ngày 19/7/2021 nhưng những lần nêu trên ông A đều vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Lê Thị Kiều N có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Bà N và ông A tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ngày 02/02/2015. Sau khi kết hôn, bà N sang Trung Quốc sống cùng ông A. Trong thời gian sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, phong tục tập quán, từ đó vợ chồng ít quan tâm nhau. Đến cuối năm 2019 bà N về Việt Nam và vợ chồng không còn liên lạc với nhau cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng sống xa cách, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông A.

Xét bà N và ông A không còn quan tâm nhau, không chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình, hiện nay bà N sống ở Việt Nam còn ông A sống ở Trung Quốc, cả hai không còn liên lạc với nhau, do bà N và ông A vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho bà N ly hôn ông A là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2. Về con chung: Có 01 con chung tên B, sinh ngày 04/12/2015 hiện do ông A nuôi dưỡng, bà N có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần con chung, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần con chung nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Bà N phải chịu toàn bộ lệ phí ủy thác tư pháp.

2.5. Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Điều 227, Điều 228, Điều 469, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Kiều N.

- Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Kiều N được ly hôn với ông A .

- Về con chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Lê Thị Kiều N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003218 ngày 03/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Lê Thị Kiều N phải chịu toàn bộ lệ phí ủy thác tư pháp 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) được khấu trừ số tiền 200.000đồng (Hai trăm ngàn đồng) bà N đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003032 ngày 03/12/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà N đã nộp xong.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông A vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- Chánh án TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02b;
- Cục THA.DS tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- Phòng Hộ tịch - Sở Tư Pháp tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- Dương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư